

Số: 28 /2025/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 01 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình
cấp nước tập trung trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02 tháng 01 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn;

Căn cứ Thông tư số 73/2022/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 181/TTr-SXD ngày 30 tháng 12 năm 2024 và Công văn số 678/SXD-QLHTĐT ngày 25 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về cung cấp, sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước tập trung trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 4 năm 2025 và thay thế Quyết định số 20/2006/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Tổng Giám đốc, Giám đốc các đơn vị cấp nước, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp tỉnh và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, các Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, các phòng. Dự (2006)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Văn Hà



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về cung cấp, sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước tập trung
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

(Kèm theo Quyết định số 28 /2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2025 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về các hoạt động của các tổ chức, cá nhân liên quan đến lĩnh vực cung cấp, sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước tập trung trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân, khách hàng và các cơ quan chức năng liên quan đến hoạt động cung cấp, sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước tại các khu vực sử dụng nước sạch tập trung.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Nước thô*: Là nước lấy từ nguồn tự nhiên chưa qua xử lý.

2. *Hố van*: Là nơi chứa các van, khóa và các thiết bị của mạng lưới cấp nước. Để đơn vị cấp nước kiểm tra theo định kỳ hoặc đột xuất nhằm phát hiện và khắc phục kịp thời các sự cố trên đường ống.

3. *Phương pháp giả định*: Là phương pháp tính trung bình cộng lượng nước khách hàng đã sử dụng trong ba kỳ hóa đơn liền kề gần nhất trước đó.

Điều 3. Giá nước

Giá nước sạch thực hiện theo quy định tại Điều 51, Điều 52, Điều 53, Điều 54 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch (Nghị định 117/2007/NĐ-CP); Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP (Nghị định 117/2007/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung); Luật giá số 16/2023/QH15; Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá; các quy định hiện hành về giá.

Chương II

CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG NƯỚC

Điều 4. Cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất kinh doanh

1. Đơn vị cấp nước có trách nhiệm đầu tư đồng bộ từ nhà máy, đường ống truyền tải và phân phối, ống nhánh đến điểm đầu nối của khách hàng bao gồm cả đồng hồ đo nước.

2. Tại các khu vực cần phát triển hệ thống cấp nước nhưng đơn vị cấp nước chưa đủ điều kiện phát triển, khuyến khích các đơn vị khác tham gia đầu tư, phát triển dịch vụ cấp nước theo danh mục công bố kêu gọi đầu tư hoặc cùng thỏa thuận đầu tư với đơn vị cấp nước.

3. Khi lập dự án đầu tư xây dựng các khu nhà ở, khu đô thị mới, khu tái định cư, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, thương mại, dịch vụ: các chủ đầu tư có trách nhiệm đầu tư mạng lưới cấp nước trong phạm vi dự án, thực hiện đấu nối theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật và thỏa thuận đấu nối với đơn vị cấp nước quản lý địa bàn sau khi đã có thỏa thuận về khớp nối hạ tầng của cơ quan quản lý nhà nước, trừ trường hợp được phép tự sản xuất và cung cấp nước sạch. Việc thực hiện đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng xây dựng các công trình cấp nước phải tuân theo các quy định của pháp luật về xây dựng. Chi phí đầu tư, lắp đặt điểm đầu nối và đồng hồ tổng do đơn vị cấp nước chịu trách nhiệm, trừ trường hợp có thỏa thuận khác giữa đơn vị cấp nước với các chủ đầu tư hoặc khách hàng. Hệ thống cấp nước phía sau đồng hồ tổng của đơn vị cấp nước sẽ do Nhà đầu tư hoặc chủ đầu tư các dự án chịu trách nhiệm đầu tư xây dựng.

Điều 5. Cung cấp nước phòng cháy, chữa cháy

1. Trụ nước chữa cháy được sơn màu đỏ, lắp đặt trong phạm vi mạng lưới cấp nước và chỉ được sử dụng vào mục đích chữa cháy.

2. Chỉ có đơn vị cấp nước và cơ quan Cảnh sát phòng cháy chữa cháy, lực lượng chữa cháy tại chỗ mới được mở trụ nước chữa cháy để lấy nước phục vụ chữa cháy, diễn tập, theo phương án chữa cháy trong khu vực hoặc để phục vụ công tác kiểm tra, súc xả, sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng trụ nước chữa cháy.

3. Các đơn vị cấp nước đảm bảo cung cấp đủ áp lực, lưu lượng cho hệ thống họng, trụ cứu hỏa trên địa bàn tỉnh.

Điều 6. Lắp đặt đường ống và đồng hồ nước

1. Đơn vị cấp nước phải thiết lập các điểm đầu nối vào mạng lưới cấp nước cho khách hàng sử dụng nước theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung), cụ thể như sau:

a) Đơn vị cấp nước phải thiết lập các điểm đầu nối vào mạng lưới cấp nước cho mỗi khách hàng sử dụng nước; các điểm đầu nối phải đặt ngay sát chỉ giới sử dụng đất hoặc chân tường rào công trình của khách hàng sử dụng nước trong điều kiện cho phép.

b) Trường hợp khách hàng sử dụng nước ở quá xa đường ống phân phối và

nằm ngoài vùng phục vụ của đơn vị cấp nước thì phải có sự thỏa thuận giữa hai bên nhằm bảo đảm quyền lợi kinh doanh của đơn vị cấp nước.

2. Điểm lắp đặt đồng hồ đo nước thực hiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung), cụ thể như sau:

a) Điểm lắp đặt đồng hồ đo nước có thể được xác định trước, trùng hoặc sau điểm đầu nối của khách hàng sử dụng nước vào mạng lưới cấp nước, bảo đảm thuận tiện cho việc lắp đặt, quản lý, kiểm tra ghi thu và bảo vệ đồng hồ đo nước.

b) Điểm lắp đặt đồng hồ đo nước được thỏa thuận giữa đơn vị cấp nước và khách hàng sử dụng nước.

3. Trường hợp đồng hồ đo nước được lắp đặt sau điểm đầu nối đã được xác định thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 42 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung), cụ thể như sau:

Đơn vị cấp nước có trách nhiệm đầu tư đồng bộ đến điểm đầu nối với các khách hàng sử dụng nước bao gồm cả đồng hồ đo nước. Trường hợp đồng hồ đo nước được lắp đặt sau điểm đầu nối đã được xác định thì chi phí vật tư, lắp đặt từ điểm đầu nối đến điểm lắp đặt đồng hồ do khách hàng sử dụng nước chi trả sau khi đã có thỏa thuận với đơn vị cấp nước.

4. Tại các điểm giao dịch với khách hàng và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị cấp nước phải niêm yết công khai các quy định về hồ sơ giải quyết việc lắp đặt đồng hồ nước, quy trình tiếp nhận, giải quyết hoặc gửi trả hồ sơ.

5. Hồ sơ lắp đặt đồng hồ nước bao gồm:

a) Phiếu yêu cầu lắp đặt đồng hồ nước.

b) Giấy tờ hợp lệ về nhà đất theo quy định. Trường hợp không có giấy tờ nhà đất hợp lệ thì Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận. Nội dung Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận về người yêu cầu có nhu cầu được cung cấp nước máy và nhà đất hiện không có tranh chấp.

6. Thời gian giải quyết việc lắp đặt đồng hồ nước là 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ của khách hàng (không tính thời gian xin phép đào đường hoặc thời gian khắc phục trở ngại khách quan trong thi công).

Điều 7. Ngừng cung cấp nước

1. Đơn vị cấp nước tạm ngừng cung cấp nước trong các trường hợp sau:

a) Khi hệ thống cấp nước bị sự cố, hư hỏng đột xuất, hoặc di chuyển, sửa chữa, cải tạo theo kế hoạch hàng năm của đơn vị cấp nước thì đơn vị cấp nước có trách nhiệm thông báo trực tiếp cho khách hàng hoặc công bố trên cổng thông tin điện tử của đơn vị cấp nước.

b) Khi có quyết định hoặc đề nghị bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

c) Khi khách hàng sử dụng nước có yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều 45 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung), cụ thể như sau:

Khi khách hàng sử dụng nước có yêu cầu vì các lý do hợp lý như tạm vắng, tạm dừng sản xuất, kinh doanh trong một thời gian nhất định nhưng không chấm dứt Hợp đồng dịch vụ cấp nước.

2. Đơn vị cấp nước ngừng cung cấp nước trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 45 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung), cụ thể như sau:

a) Đối với khách hàng sử dụng nước là hộ gia đình sử dụng nước cho mục đích sinh hoạt:

- Đơn vị cấp nước có thể ngừng dịch vụ cấp nước từ điểm đầu nối nếu khách hàng sử dụng nước không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nước, vi phạm các quy định của Hợp đồng dịch vụ cấp nước sau 5 tuần kể từ khi có thông báo đến khách hàng sử dụng nước về việc ngừng dịch vụ cấp nước;

- Nếu khách hàng sử dụng nước không thực hiện nghĩa vụ thanh toán do có lý do khách quan đã được thông báo trước cho đơn vị cấp nước về những lý do trên thì việc ngừng dịch vụ cấp nước sẽ được thực hiện sau 10 tuần kể từ khi có thông báo về việc ngừng dịch vụ cấp nước.

b) Đối với các đối tượng sử dụng nước khác:

Đơn vị cấp nước có thể ngừng dịch vụ cấp nước từ điểm đầu nối nếu khách hàng sử dụng nước không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nước, vi phạm các quy định của Hợp đồng dịch vụ cấp nước sau 15 ngày làm việc kể từ khi có thông báo đến khách hàng sử dụng nước về việc ngừng dịch vụ cấp nước.

3. Đơn vị cấp nước phải khôi phục cung cấp nước trong thời hạn tối đa 01 ngày sau khi các lý do tạm ngừng cấp nước nêu tại khoản 1 Điều này đã được khắc phục.

Điều 8. Bảo quản đồng hồ nước

1. Trách nhiệm bảo vệ đồng hồ nước thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 49 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung), cụ thể như sau:

Khách hàng sử dụng nước có trách nhiệm bảo vệ đồng hồ nước lắp đặt trong khu vực quản lý của mình và thông báo kịp thời cho đơn vị cấp nước khi phát hiện đồng hồ nước bị mất hoặc bị hỏng. Đơn vị cấp nước có trách nhiệm bảo vệ đồng hồ nước lắp đặt ở ngoài khu vực quản lý của khách hàng sử dụng nước.

2. Khách hàng phải thông báo kịp thời cho đơn vị cấp nước biết khi đồng hồ nước bị mất, bị hư hỏng hoặc chỉ niêm phong đồng hồ nước bị đứt. Trường hợp việc chỉ niêm phong bị đứt được khách hàng chứng minh do yếu tố khách quan, chỉ số tiêu thụ trên đồng hồ không bị ảnh hưởng thì đơn vị cấp nước lập biên bản, bấm chỉ mới niêm phong lại đồng hồ nước.

3. Khách hàng phải thường xuyên theo dõi chỉ số đang có trên đồng hồ nước, kịp thời thông báo đến đơn vị cấp nước yêu cầu kiểm tra, xử lý, khi phát hiện lượng nước sử dụng trong kỳ tăng, giảm không bình thường. Đơn vị cấp

nước kiểm tra tình trạng đồng hồ, chỉ niêm phong trong quá trình ghi số đồng hồ nước.

4. Việc kiểm định đồng hồ nước được thực hiện theo Điều 50 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung), cụ thể như sau:

a) Chỉ những tổ chức có thẩm quyền hoặc được ủy quyền theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước về đo lường mới được phép kiểm định thiết bị đo đếm nước.

b) Đơn vị cấp nước có trách nhiệm tổ chức việc kiểm định thiết bị đo đếm nước theo đúng yêu cầu và thời hạn do cơ quan quản lý nhà nước về đo lường quy định.

c) Khi có nghi ngờ thiết bị đo đếm nước không chính xác, khách hàng sử dụng nước có quyền yêu cầu đơn vị cấp nước kiểm tra. Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ khi nhận được yêu cầu của khách hàng sử dụng nước, đơn vị cấp nước phải kiểm tra và hoàn thành việc sửa chữa hoặc thay thế thiết bị đo đếm nước. Trường hợp không đồng ý với kết quả kiểm tra, sửa chữa hoặc thay thế của đơn vị cấp nước, khách hàng sử dụng nước có quyền yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước về cấp nước tại địa phương tổ chức kiểm định độc lập. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của khách hàng sử dụng nước, cơ quan quản lý nhà nước về cấp nước tại địa phương có trách nhiệm tổ chức việc kiểm định.

d) Chi phí cho việc kiểm định thiết bị đo đếm nước theo quy định tại khoản 3 của Điều này được thực hiện như sau:

- Trường hợp tổ chức kiểm định độc lập xác định thiết bị đo đếm nước hoạt động theo đúng Tiêu chuẩn Việt Nam thì khách hàng sử dụng nước phải trả phí kiểm định;

- Trường hợp tổ chức kiểm định độc lập xác định thiết bị đo đếm nước hoạt động không đúng Tiêu chuẩn Việt Nam thì đơn vị cấp nước phải trả phí kiểm định.

đ) Trường hợp tổ chức kiểm định độc lập xác định chỉ số đo đếm của đồng hồ nước vượt quá số lượng nước sử dụng thực tế thì đơn vị cấp nước phải hoàn trả khoản tiền thu thừa cho khách hàng sử dụng nước.

Điều 9. Thay đồng hồ nước

1. Trường hợp đồng hồ nước bị mất, hoặc hư hỏng do lỗi của khách hàng, đơn vị cấp nước thay đồng hồ nước khác, toàn bộ chi phí thay thế đồng hồ nước do khách hàng thanh toán theo đơn giá của đơn vị cấp nước.

2. Trường hợp đồng hồ đo nước bị hư hỏng do khách quan, khách hàng phải thông báo ngay cho đơn vị cấp nước biết để tiến hành kiểm tra, sửa chữa hoặc thay đồng hồ đo nước khác, chi phí thay thế đồng hồ đo nước do đơn vị cấp nước thanh toán.

3. Đơn vị cấp nước có trách nhiệm thay đồng hồ đo nước miễn phí cho

khách hàng khi đồng hồ đo nước không đọc được chỉ số, bị hư hỏng, ngưng hoạt động, kính mờ, do lỗi kỹ thuật của đồng hồ đo nước hoặc đến kỳ hạn kiểm định phải thay thế theo yêu cầu quản lý.

4. Trường hợp đồng hồ nước bị cúp (bị khóa, bị thu hồi), thời gian mở lại quá thời hạn 06 tháng thì khách hàng phải mua lại đồng hồ nước khác của đơn vị cấp nước.

5. Khách hàng sử dụng nước sạch tạo điều kiện để đơn vị cấp nước thực hiện kiểm tra, thay thế đồng hồ nước trong các trường hợp quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này.

Điều 10. Không ghi được chỉ số đồng hồ nước

1. Trường hợp đồng hồ nước bị hư hỏng thì lượng nước sử dụng được tính theo phương pháp giả định quy định tại khoản 3 Điều 2, nhưng việc tính theo phương pháp này không được kéo dài quá 02 kỳ hóa đơn liên tiếp. Đơn vị cấp nước phải thay đồng hồ nước mới cho khách hàng, khách hàng phải tạo điều kiện thuận lợi cho việc thay đồng hồ nước này.

2. Trường hợp đơn vị cấp nước không thể ghi chỉ số như: nhà vắng chủ, nhà khóa cửa, ổ khóa hộp bảo vệ đồng hồ nước bị hỏng không mở được, đồng hồ nước bị che lấp không đọc được chỉ số thì lượng nước sử dụng sẽ được tính theo phương pháp giả định, nhưng cũng không được tính kéo dài quá 02 kỳ hóa đơn liên tiếp. Đơn vị cấp nước phải thông báo cho khách hàng, chủ động phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, cùng tác động đến khách hàng, khắc phục để đọc được chỉ số đồng hồ nước.

Điều 11. Thay đổi hệ thống ống nhánh

Việc thay đổi hệ thống ống nhánh thuộc hệ thống cấp nước do đơn vị cấp nước quản lý phải được đơn vị cấp nước thực hiện và thay đổi trong những trường hợp sau:

1. Để phù hợp với nhu cầu xây dựng, quy hoạch các công trình đô thị như: nhà, đường, cầu cống, công trình thoát nước, điện lực, bưu chính viễn thông, công trình chỉnh trang đô thị theo dự án xây dựng, quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

2. Thay đổi hệ thống cấp nước theo yêu cầu của khách hàng trong điều kiện kỹ thuật cho phép. Trường hợp này, khách hàng có nghĩa vụ thanh toán chi phí theo bảng chiết tính của đơn vị cấp nước.

Điều 12. Thay đổi mục đích sử dụng nước sạch

1. Khách hàng có nhu cầu thay đổi mục đích sử dụng nước sạch đã đăng ký thì phải đăng ký lại hoặc đăng ký bổ sung với đơn vị cấp nước để có cơ sở tính đúng giá nước tiêu thụ phù hợp với mục đích sử dụng nước sạch thực tế. Trường hợp khách hàng sử dụng nước sạch của đơn vị cấp nước để bán lại cho đối tượng sử dụng khác thì phải đăng ký với đơn vị cấp nước.

2. Trường hợp khách hàng sử dụng nước sạch không chỉ cho sinh hoạt mà

còn cho sản xuất, kinh doanh hoặc mục đích khác thì lượng nước sử dụng sẽ được tính cho sản xuất, kinh doanh hoặc mục đích khác.

3. Trường hợp khách hàng thay đổi mục đích sử dụng nước sạch mà không đăng ký lại với đơn vị cấp nước thì đơn vị cấp nước được quyền áp giá tiêu thụ nước theo mục đích sử dụng thực tế và truy thu (nếu có) kể từ ngày đơn vị cấp nước phát hiện khách hàng thay đổi mục đích sử dụng nước sạch và có văn bản thông báo đến hộ sử dụng nước sạch.

Điều 13. Đổi tên trong hợp đồng cung cấp và sử dụng nước sạch

1. Trường hợp khách hàng chuyển giao bất động sản cho người khác như: chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, cho, tặng thì phải chuyển giao cả quyền sử dụng đồng hồ nước, đồng thời thống nhất việc thanh toán tiền nước đã sử dụng. Khách hàng sử dụng nước sạch tiếp theo phải đăng ký và ký kết lại hợp đồng cung cấp - sử dụng nước sạch với đơn vị cấp nước và phải thanh toán các khoản nợ tồn đọng.

2. Đơn vị cấp nước không giải quyết yêu cầu xin dời đồng hồ nước từ bất động sản mà khách hàng đã chuyển giao (hoặc dự định chuyển giao) sang một bất động sản hoặc một vị trí khác theo yêu cầu của khách hàng mà không có sự đồng ý của các bên có liên quan.

3. Khi bất động sản được chia cho các đồng thừa kế hoặc các đồng sở hữu theo quy định của pháp luật thì đơn vị cấp nước chỉ giải quyết yêu cầu dời đồng hồ nước sang phần bất động sản của khách hàng là người đứng tên trong hợp đồng cung cấp và sử dụng nước sạch hoặc di dời đồng hồ nước sang vị trí đã được khách hàng đứng tên trong hợp đồng cung cấp và sử dụng nước sạch thỏa thuận với các bên có liên quan. Chi phí di dời do khách hàng thanh toán theo bảng chiết tính của đơn vị cấp nước.

4. Sau khi được lắp đặt một đồng hồ nước cho một bất động sản, nếu bất động sản đó được phân chia thành nhiều chủ sử dụng thì các chủ sử dụng này đều có quyền sử dụng chung một đồng hồ nước đã được lắp đặt cho đến khi được lắp đặt đồng hồ nước riêng.

Chương III

HÀNH LANG AN TOÀN

VÀ BẢO VỆ CÁC CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC

Điều 14. Bảo vệ hành lang an toàn đường ống và công trình cấp nước

1. Trong hành lang bảo vệ an toàn công trình cấp nước, nghiêm cấm những hành vi quy định tại Mục 2.10.1 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và các quy định hiện hành khác có liên quan, cụ thể như sau:

Khu vực bảo vệ	Kích thước khu vực bảo vệ cấp I (m)	Kích thước khu vực bảo vệ cấp II (m)
Nhà máy nước, trạm cấp nước, từ chân tường công trình xử lý:	≥ 30	-
Đường ống cấp nước, từ mép ngoài đường ống:		
- Kích thước 300 mm đến < 1.000 mm	-	≥ 7
- Kích thước ≥ 1.000 mm	-	≥ 15
CHÚ THÍCH 1: Trong khu vực bảo vệ cấp I nghiêm cấm các hoạt động sau: Xây dựng công trình nhà ở; xả nước thải, CTR, chăn nuôi, chăn thả gia súc, gia cầm, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản, khai thác khoáng sản; sử dụng hóa chất độc, phân hữu cơ và phân khoáng để bón cây; CHÚ THÍCH 2: Trong khu vực bảo vệ cấp II, nước thải, chất thải từ các hoạt động sinh hoạt, dịch vụ và sản xuất phải được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn về môi trường.		

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân khi khảo sát, thiết kế, xây dựng các công trình khác có liên quan đến công trình cấp nước, hành lang và khu vực an toàn công trình cấp nước phải có sự thỏa thuận với đơn vị cấp nước và tuân thủ Quy định này.

3. Trước khi thi công các công trình có ảnh hưởng đến hành lang, khu vực an toàn công trình cấp nước phải tuân theo các quy định sau:

a) Có ý kiến chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến quản lý hành lang bảo vệ tuyến ống, công trình cấp nước.

b) Trực tiếp liên hệ với đơn vị cấp nước để có ý kiến về giải pháp thi công, tránh ảnh hưởng đến an toàn công trình cấp nước.

c) Chỉ được khởi công xây dựng khi đã đủ điều kiện khởi công xây dựng công trình, thực hiện đầy đủ các biện pháp, đảm bảo an toàn cho các công trình cấp nước có liên quan.

d) Khôi phục lại nguyên trạng các khu vực đã bị thay đổi sau khi đã hoàn thành công việc theo yêu cầu.

4. Đơn vị cấp nước quản lý khu vực bảo vệ hành lang an toàn các đường ống cấp nước, tuyến ống nước phải thực hiện các quy định sau đây:

a) Dựng biển báo hạn chế giao thông theo yêu cầu, thông báo khu vực bảo vệ hành lang an toàn tuyến ống theo quy định đủ để mọi người nhận biết hành lang tuyến ống và các yêu cầu bảo vệ.

b) Cắm các cột mốc tim, biên dọc hành lang tuyến ống với khoảng cách đủ để xác định chính xác vị trí tim tuyến ống.

c) Đối với các dự án đang thực hiện và sẽ đầu tư các tuyến ống cấp nước, đơn vị cấp nước (chủ đầu tư) phải bảo đảm điều kiện lắp đặt để các loại xe, phương tiện cơ giới có tải trọng phù hợp với tải trọng các tuyến đường giao thông hiện hữu và theo quy hoạch lưu thông băng ngang hành lang tuyến ống.

d) Tổ chức giám sát, phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng phát hiện kịp thời để xử lý các trường hợp vi phạm các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 15. Bảo vệ nhà máy nước, trạm bơm tăng áp, đài nước, hồ chứa nước

1. Nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm đến sự an toàn, vệ sinh của nhà máy nước, khu vực xử lý nước, trạm bơm, giếng khai thác nước và các hồ chứa nước, phục vụ cho khai thác, xử lý nước theo quy định tại Mục 2.10.1 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD và các quy định hiện hành khác có liên quan, cụ thể:

Khu vực bảo vệ	Kích thước khu vực bảo vệ cấp I (m)	Kích thước khu vực bảo vệ cấp II (m)
Nhà máy nước, trạm cấp nước, từ chân tường công trình xử lý:	≥ 30	-
Đường ống cấp nước, từ mép ngoài đường ống:		
- Kích thước 300 mm đến < 1.000 mm	-	≥ 7
- Kích thước ≥ 1.000 mm	-	≥ 15

CHÚ THÍCH 1: Trong khu vực bảo vệ cấp I nghiêm cấm các hoạt động sau: Xây dựng công trình nhà ở; xả nước thải, CTR, chăn nuôi, chăn thả gia súc, gia cầm, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản, khai thác khoáng sản; sử dụng hóa chất độc, phân hữu cơ và phân khoáng để bón cây;

CHÚ THÍCH 2: Trong khu vực bảo vệ cấp II, nước thải, chất thải từ các hoạt động sinh hoạt, dịch vụ và sản xuất phải được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn về môi trường.

2. Đơn vị cấp nước quản lý thủy đài, hồ chứa nước phải dựng biển thông báo theo quy định để mọi người nhận biết khu vực an toàn thủy đài, hồ chứa nước và các yêu cầu bảo vệ; Phải thực hiện nghiêm ngặt chế độ đảm bảo vệ sinh môi trường trong khuôn viên nhà máy nước, khu vực xử lý nước, trạm bơm, giếng khai thác nước và các hồ chứa nước phục vụ cho khai thác, xử lý; Đơn vị cấp nước phải xây dựng tường rào bảo vệ khuôn viên nhà máy nước, khu vực xử lý nước, trạm bơm, giếng khai thác nước; Tổ chức giám sát, phối hợp với chính quyền địa phương phát hiện kịp thời để xử lý các trường hợp vi phạm các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này. Đối với hồ chứa nước không thuộc phạm vi quản lý của đơn vị cấp nước thì trách nhiệm quản lý thuộc về cơ quan có thẩm quyền được giao quản lý hồ chứa nước.

3. Đối với các thủy đài, hồ chứa nước chưa có khu vực bảo vệ an toàn cụ thể theo quyết định của cơ quan thẩm quyền, đơn vị cấp nước quản lý thủy đài, hồ chứa nước phải thực hiện ngay các nội dung sau: Thống kê danh mục các thủy đài, hồ chứa nước thuộc đơn vị cấp nước quản lý chưa có quyết định của cơ quan thẩm quyền, xác định khu vực bảo vệ an toàn thủy đài, hồ chứa nước; Nghiên cứu đề xuất giải pháp lập khu vực tạm thời, lập hồ sơ đề xuất thiết lập khu vực bảo vệ an toàn cho các thủy đài, hồ chứa nước, bảo đảm an toàn không để xảy ra sự cố có nguy cơ gây thảm họa đối với người, tài sản và môi trường chung quanh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét chỉ đạo.

Điều 16. Bảo vệ mạng lưới cấp nước, các công trình phụ trợ khác

1. Nghiêm cấm các hành vi quy định tại Điều 10 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung), cụ thể như sau:

- Phá hoại các công trình, trang thiết bị cấp nước.
- Vi phạm các quy định về bảo vệ khu vực an toàn giếng nước ngầm, nguồn nước mặt phục vụ cấp nước.
- Vi phạm các quy định về bảo vệ hành lang an toàn tuyến ống nước thô, đường ống truyền tải nước sạch, các công trình kỹ thuật và mạng lưới cấp nước.
- Cản trở việc kiểm tra, thanh tra hoạt động cấp nước.
- Trộm cấp nước.
- Gây ô nhiễm nước sạch chưa sử dụng.
- Cung cấp thông tin không trung thực làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân khác trong hoạt động cấp nước.
- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây phiền hà, sách nhiễu các tổ chức, cá nhân khác trong hoạt động cấp nước.
- Đơn vị cấp nước cung cấp nước sạch cho mục đích sinh hoạt không bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.
- Các hành vi phát tán chất độc hại và các bệnh truyền nhiễm, bệnh dễ lây lan.
- Các hành vi khác vi phạm quy định của pháp luật về cấp nước.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ mạng lưới cấp nước an toàn phục vụ cho việc cấp nước và sử dụng nước sạch, khi phát hiện sự cố, các trường hợp rò rỉ nước từ mạng lưới đường ống cấp nước, khách hàng có trách nhiệm báo ngay cho đơn vị cấp nước.

3. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm gây thiệt hại đến công trình và mạng lưới cấp nước hoặc thi công các công trình làm ảnh hưởng đến công trình và mạng lưới cấp nước phải chịu mọi phí tổn về mặt sửa chữa, thất thoát nước, đồng thời phải khắc phục hậu quả gây thiệt hại đến công trình cấp nước và chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các tổn thất đã gây ra theo quy định pháp luật.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước

1. Sở Xây dựng

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cấp nước đô thị; Hướng dẫn việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng liên quan đến hoạt động cấp nước trên địa bàn tỉnh; Chủ trì tổ chức hướng dẫn các tổ chức, cá nhân và các đơn vị cấp nước thực hiện Quy định này; thẩm định phương án giá nước sạch và biểu giá nước sạch do đơn vị cấp nước xây dựng theo quy định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát việc đảm bảo cấp nước an toàn và hoạt động cấp nước trong phạm vi được phân cấp; Quản lý chất lượng xây dựng công trình cấp nước trên địa bàn theo các quy định của pháp luật; Chỉ đạo kiểm tra, phát hiện kịp thời, xử lý các hành vi xâm phạm công trình cấp nước, hành lang và khu vực an toàn công trình, mạng lưới cấp nước theo quy định.

c) Chủ trì nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính sách về hoạt động cấp nước trong phạm vi đô thị; Hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ các quy chuẩn, tiêu chuẩn, thông tư, quyết định của ngành xây dựng liên quan đến hoạt động cấp nước trên địa bàn tỉnh.

d) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện chương trình cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch khu vực đô thị.

đ) Tham gia góp ý kế hoạch phát triển cấp nước hàng năm của các đơn vị cấp nước.

e) Triển khai các công trình hạ tầng giao thông đồng bộ với các công trình hạ tầng đô thị đảm bảo tính hiệu quả khi thực hiện các công trình cấp nước sạch;

g) Tổ chức cấp giấy phép thi công và giám sát việc thực hiện các công trình cấp nước sạch theo phân cấp quản lý.

h) Chủ trì, tổng hợp, báo cáo hằng năm và đột xuất về tình hình hoạt động cấp nước trên địa bàn tỉnh về Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Rà soát, phối hợp Sở Xây dựng yêu cầu các đơn vị được giao quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung được xây dựng bằng ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc ngân sách nhà nước thực hiện lập phương án nước sạch sinh hoạt khu vực nông thôn.

b) Phối hợp Sở Xây dựng thẩm định phương án giá nước sạch và biểu giá nước sạch nông thôn theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra

và giám sát việc cấp nước an toàn và hoạt động cấp nước trong phạm vi được phân công, phân cấp. Tổ chức, thực hiện Kế hoạch đảm bảo cấp nước an toàn, chống thất thoát, thất thu nước sạch khu vực nông thôn.

d) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cấp nước nông thôn trên địa bàn tỉnh (bao gồm cả việc hướng dẫn quản lý, vận hành hệ thống cấp nước được đầu tư từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới hoặc từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn).

đ) Hướng dẫn các nhà đầu tư về các thủ tục cấp phép thăm dò, khai thác; Thẩm định, phê duyệt hồ sơ đánh giá tác động môi trường hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo thẩm quyền; Thực hiện hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, thực hiện cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho các đơn vị cấp nước sạch tập trung trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền; Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quy định vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất.

e) Phối hợp với Sở Tài chính, Bộ phận một cửa - Chi Cục Thuế khu vực XV đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh việc thu phí tài nguyên nước, phí nước thải theo quy định.

g) Quản lý việc sử dụng đất của các tổ chức khi xây dựng các công trình cấp nước dựa trên nhu cầu thực tế và yêu cầu phát triển từng giai đoạn theo quy hoạch cấp nước đã được phê duyệt; Thực hiện bố trí quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để xây dựng công trình cấp nước.

h) Chủ trì, phối hợp các sở, ngành, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra định kỳ đánh giá chất lượng nước thô khai thác để sản xuất nước sạch đối với các đơn vị cấp nước; Xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt theo quy định của Luật Tài nguyên nước; Tăng cường quản lý, kiểm tra xử lý vi phạm trong việc khai thác nguồn tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

i) Tổng hợp, báo cáo hàng năm và đột xuất tình hình hoạt động cấp nước sạch nông thôn về Sở Xây dựng tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Sở Tài chính

a) Phối hợp Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường trong quá trình tổ chức thẩm định phương án giá nước sạch khu vực đô thị, nông thôn trên địa bàn tỉnh; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư xây dựng công trình cấp nước tập trung; hỗ trợ các hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách đầu nôi sử dụng nước sạch, mua nước máy; tổ chức kiểm tra việc thực hiện quyết định giá tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh; phương án cấp bù giá nước từ ngân sách tỉnh.

b) Hướng dẫn và thực hiện quyết toán, đánh giá tài sản đối với các dự án đầu tư công trình cấp nước từ nguồn vốn ngân sách nhà nước; phối hợp tổ chức thực hiện đánh giá tài sản các công trình cấp nước do doanh nghiệp nhà nước quản lý.

c) Tổng hợp danh mục các dự án đầu tư trong lĩnh vực cấp nước theo từng giai đoạn trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề kêu gọi đầu tư trên cơ sở nội dung đề xuất của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành.

d) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch sử dụng vốn đầu tư công thuộc trách nhiệm đầu tư từ ngân sách tỉnh và vốn ngoài đầu tư công; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối nguồn vốn đầu tư công để triển khai thực hiện dự án.

đ) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư phát triển cấp nước trên địa bàn tỉnh; bố trí, cân đối nguồn kinh phí hỗ trợ hoặc đầu tư phát triển các công trình, dự án phát triển hệ thống cấp nước trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Sở Y tế

a) Hướng dẫn, phổ biến áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy định của ngành Y tế liên quan đến các hoạt động cung cấp và tiêu thụ nước sạch; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy chuẩn địa phương về chất lượng nước.

b) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra và giám sát định kỳ hoặc đột xuất chất lượng nước sạch của các đơn vị cấp nước; Chịu trách nhiệm tham mưu về quản lý chất lượng nước trước Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Công an tỉnh

a) Phối hợp, hướng dẫn các đơn vị cấp nước bảo vệ an ninh các mục tiêu trọng yếu về cung cấp nước sạch.

b) Chỉ đạo lực lượng Cảnh sát môi trường phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện phòng ngừa, phát hiện, điều tra, ngăn chặn và xử lý kịp thời những hành vi làm ô nhiễm nguồn nước phục vụ sinh hoạt, bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn tỉnh.

c) Quản lý, sử dụng hệ thống phòng cháy chữa cháy (PCCC): Kiểm tra chất lượng, chủng loại, mẫu mã vật tư, thiết bị phòng cháy chữa cháy chuyên dùng trên hệ thống cấp nước chữa cháy trước khi lắp đặt; Phối hợp với các đơn vị quản lý, vận hành hệ thống cấp nước PCCC (đơn vị cấp nước, đơn vị quản lý hạ tầng) xây dựng phương án quản lý, sử dụng hệ thống cấp nước PCCC; dự kiến kế hoạch sử dụng nước sạch cần thiết cho công tác PCCC hàng năm; xác nhận số lượng nước đã sử dụng cho công tác PCCC từ hệ thống cấp nước đô thị và khu công nghiệp làm cơ sở thanh toán tiền sử dụng nước sạch thực tế cho đơn vị cấp nước.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Biên Hòa và thành phố Long Khánh; Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai

a) Tuyên truyền, vận động tổ chức, cá nhân, người dân sử dụng nước sạch tập trung, sử dụng tiết kiệm và bảo vệ các công trình cấp nước.

b) Chỉ đạo công tác giải phóng mặt bằng các dự án công trình hạ tầng cấp nước trên địa bàn, kịp thời giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để chỉ đạo, giải quyết những khó khăn vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng các dự án cấp nước sạch.

c) Chủ trì kiểm tra, giám sát nhằm kịp thời phát hiện các hành vi xâm phạm công trình cấp nước, hành lang và khu vực an toàn công trình cấp nước để xử lý theo thẩm quyền quy định.

d) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các phường, xã, thị trấn trực thuộc hỗ trợ, phối hợp với các đơn vị cấp nước niêm yết thủ tục cung cấp dịch vụ cấp nước tại trụ sở để tạo thuận lợi, kịp thời giải quyết nhu cầu cho nhân dân, giải quyết các sự cố về đường ống nước, công trình cấp nước, nhằm đảm bảo sự cung cấp nước được liên tục và trật tự an toàn xã hội.

đ) Xây dựng kế hoạch về nhu cầu sử dụng nước sạch và mở rộng hệ thống cấp nước trên địa bàn, phạm vi quản lý.

e) Tổng hợp, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình hoạt động cấp nước cho Sở Xây dựng và Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 18. Việc sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc cần điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, các tổ chức, đơn vị, cá nhân có văn bản phản ánh gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.